

Phụ lục I

ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN TTHC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Mẫu:

II.01-ĐC/VPCP/KSTT

ĐỀ CƯƠNG

**BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ
TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ
MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ
THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN
MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

- Đơn vị báo cáo:

+ Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:

+ Văn phòng UBND tỉnh.

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong năm 2025, Sở Tài chính không thực hiện việc đánh giá tác động quy định về TTHC.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong năm 2025, Sở Tài chính không chủ trì thực hiện thẩm định TTHC.

3. Về công bố, công khai thủ tục hành chính

- Trong năm 2025, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành:

+ Quyết định 519/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình.

+ Quyết định 629/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

+ Quyết định 781/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Hỗ trợ đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.

+ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh.

+ Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

+ Quyết định 1152/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.

+ Quyết định 1190/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh.

+ Quyết định 1519/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính: 85 TTHC thuộc 14 lĩnh vực gồm:

+ Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp: 43 TTHC

+ Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: 08 TTHC

+ Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: 07 TTHC

+ Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam: 14 TTHC

+ Lĩnh vực Hỗ trợ đầu tư: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Đấu thầu: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 02 TTHC

+ Lĩnh vực Quản lý Công sản: 03 TTHC

+ Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Tin học - Thống kê: 01 TTHC

+ Lĩnh vực Đất đai: 01 TTHC.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch: Không.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: Trong kỳ, Sở Tài chính không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: Không; trong đó số đã được đăng tải công khai: Không.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: Không.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025:

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 16,990 (trực tuyến: 16,273; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 717); số từ kỳ trước chuyển qua: 34

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 16,406; trong đó, giải quyết trước hạn: 13,996, đúng hạn: 2,371, quá hạn: 39

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 618; trong đó, trong hạn: 615, quá hạn: 3

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết được số hóa trên Hệ thống tiếp nhận giải quyết TTHC tỉnh và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật, theo dõi tình hình thực hiện thông qua hệ thống thông tin một cửa điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân; nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan.

- Thực hiện số hóa các hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

- Tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: Duy trì việc tiếp nhận, giải quyết TTHC thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; 100% hồ sơ nộp trực tiếp đã được số hóa, cập nhật lên hệ thống để xử lý.

- Thực hiện cung cấp 80 TTHC dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: Đang thực hiện theo Kế hoạch đã ban hành.

- Tình hình tích hợp dịch vụ công của cơ quan trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính đã được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Tuyên truyền và hướng dẫn các phòng, đơn vị thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, hiểu được tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan.

- Thực hiện đăng tải các văn bản QPPL lĩnh vực Tài chính, các tin bài về công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Trong năm 2025, Sở chưa có đề xuất sáng kiến cải cách thủ tục hành chính.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Công tác kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC gắn liền với công tác kiểm tra cải cách thủ tục hành chính nội bộ của cơ quan.

12. Nội dung khác

Không phát sinh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác kiểm soát TTHC đã được Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện trên cơ sở bám sát quy định pháp luật hiện hành; góp phần quan trọng trong việc phối hợp thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC giữa các phòng, đơn vị trong cơ quan.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về nâng cao chất lượng phục vụ trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Thực hiện nghiêm công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả, nhất là các nhóm thủ tục hành chính, dịch vụ công liên thông.

2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục rà soát, lập danh mục các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh có nội dung chưa rõ, khó hiểu, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc thiếu khả thi, khó tuân thủ để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

Biểu số
II.01b/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm 2025

(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

[illegible]

Biểu số
II.02c/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI
DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm 2025
(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

- Đơn vị báo cáo:
Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	
		TTHC	VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VB QPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VB QPPL
(1)	(2)	(3) = (5)+(7)	(4) = (6)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Sở Tài chính	0	0	0	0	0	0
TỔNG SỐ		0	0	0	0	0	0

Biểu số
II.03b/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm 2025
(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Tài chính	08	0	85	09	13	13	22	13	85
	TỔNG CỘNG	08	0	85	09	13	13	22	13	85

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

[illegible]

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

Sở Tài chính

Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, triệu đồng %

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Biểu số
II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ
QUAN TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kỳ báo cáo: Năm 2025
(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

Stt	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, BCCI								
1	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (43 TTHC)	16,569	15,862	707	0	16,005	13,717	22,61	27	564	564	0
2	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (07 TTHC)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (08 TTHC)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp (01 TTHC)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (14 TTHC)	421	411	10	34	401	279	110	12	54	51	3

[illegible]

12	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực Tin học - Thống kê (01 TTHC)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lĩnh vực Đất đai (01 TTHC)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		16,990	16,273	717	34	16,406	13,996	2,371	39	618	615	3

Biểu số
II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4
TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2025
(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, %

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA/ TRUNG TÂM PV HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (43 TTHC)	43	43	0	0	43	43	0	0				
2	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (07 TTHC)	07	07	0	0	07	07	0	0				
3	Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (08 TTHC)	08	08	0	0	08	08	0	0				

4	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
5	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (14 TTHC)	14	14	0	0	14	14	0	0				
6	Lĩnh vực Hỗ trợ đầu tư (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
7	Lĩnh vực Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
8	Lĩnh vực Đấu thầu (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
9	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
10	Lĩnh vực Đấu thầu theo phương thức đối tác công tư (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
11	Lĩnh vực Quản lý công sản (03 TTHC)	03	03	0	0	03	03	0	0				
12	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
13	Lĩnh vực Tin học - Thống kê (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				

14	Lĩnh vực Đất đai (01 TTHC)	01	01	0	0	01	01	0	0				
TỔNG CỘNG		85	85	0	0	85	85	0	0				

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA CẤP TỈNH

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
1		0	0	0	0
	TỔNG CỘNG	0	0	0	0

Biểu số
II.08/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG - Đơn vị báo cáo:

ĐIÊN TỬ CỦA CƠ QUAN

Sở Tài chính

Kỳ báo cáo: Năm 2025

- Đơn vị nhận báo cáo:

(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/12/2025)

Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	LĨNH VỰC	DVCTT MỨC ĐỘ 3			DVCTT MỨC ĐỘ 4			TÍCH HỢP VỚI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA (CÓ = 1; KHÔNG = 0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
B	DVCTT DO CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							

•	CẤP TỈNH							
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (43 TTHC)							
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001610					x		1
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên Mã số 2.001583					x		1
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên Mã số 2.001199					x		1
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần Mã số 2.002043					x		1
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh Mã số 2.002042					x		1
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002041					x		1
7	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số 2.002011					x		1
8	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002010					x		1
9	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần,					x		1

	công ty hợp danh) Mã số 2.002009							
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số 1.005114					x		1
11	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết Mã số 2.002000					x		1
12	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.001996					x		1
13	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001993					x		1
14	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán) Mã số 2.002044					x		1
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế Mã số 2.001954					x		1

16	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002069					x		1
17	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002070					x		1
18	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh Mã số 2.002031					x		1
19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002045					x		1
20	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài Mã số 1.010026					x		1
21	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty					x		1

	Mã số 2.002085							
22	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty Mã số 2.002083					x		1
23	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002059					x		1
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002060					x		1
25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) Mã số 2.002057					x		1
26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại Mã số 2.002034					x		1
27	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002032					x		1
28	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại Mã số 2.002033					x		1

29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác Mã số 2.002018					x		1
30	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002017					x		1
31	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002015					x		1
32	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện Mã số 2.002029					x		1
33	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án Mã số 2.002023					x		1
34	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh					x		1

	Mã số 2.002020							
35	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002016					x		1
36	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường Mã số 2.000368					x		1
37	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000416					x		1
38	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000375					x		1
39	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Mã số 1.010029					x		1
40	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp Mã số 1.010010					x		1
41	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp Mã số 1.010023					x		1
42	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công					x		1

	nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp Mã số 1.005169							
43	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo Mã số 2.002008					x		1
II	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (07 TTHC)							
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) 2.000024.000.00.00.H42					x		1
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) 1.000016.000.00.00.H42					x		1
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) 2.000005.000.00.00.H42					x		1
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 2.002005.000.00.00.H42					x		1
5	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh) 2.002004.000.00.00.H42					x		1
6	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị 2.002418.H42					x		1

7	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp 2.001999.000.00.00.H42					x		1
III	Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (08 TTHC)							
1	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập 2.000529.000.00.00.H42		x					1
2	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý 2.001061.000.00.00.H42		x					1
3	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý 2.001025.000.00.00.H42		x					1
4	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) 1.002395.000.00.00.H42					x		1
5	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) 2.001021.000.00.00.H42					x		1

6	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ 2.002665.H42					x		1
7	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV 2.002666.H42					x		1
8	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi 2.002667.H42					x		1
IV	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp (01 TTHC)							
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Mã số 3.000214		x					1
V	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (14 TTHC)							
1	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số TTHC 1.009642.000.00.00.H42					x		1
2	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số TTHC 1.009644.000.00.00.H42					x		1
3	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số TTHC 1.009645.000.00.00.H42					x		1
4	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã số TTHC 1.009646.000.00.00.H42					x		1

5	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh Mã số TTHC 1.009659.000.00.00.H42					x		1
6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số TTHC 1.009647.000.00.00.H42					x		1
7	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số TTHC 1.009661.000.00.00.H42					x		1
8	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số TTHC 1.009662.000.00.00.H42					x		1
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư Mã số TTHC 1.009664.000.00.00.H42					x		1
10	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số TTHC 1.009665.000.00.00.H42					x		1
11	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số TTHC 1.009671.000.00.00.H42					x		1
12	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài Mã số 1.009729.000.00.00.H42					x		1

13	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Mã số 1.009731.000.00.00.H42					x		1
14	Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Mã số 1.009736.000.00.00.H42					x		1
VI	Lĩnh vực Hỗ trợ đầu tư (01 TTHC)							
1	Hỗ trợ chi phí Mã số 1.014316.H42					x		1
VII	Lĩnh vực Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại (01 TTHC)							
1	Xác nhận chuyên gia Mã số TTHC 2.002058.000.00.00.H42					x		1
VIII	Lĩnh vực Đấu thầu (01 TTHC)							
1	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012507.H42					x		1
IX	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (01 TTHC)							
1	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất Mã số 2.002603.H42					x		1

X	Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (02 TTHC)							
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009491.000.00.00.H42					x		1
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009492.000.00.00.H42					x		1
XI	Lĩnh vực Quản lý Công sản (03 TTHC)							
1	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế Mã số TTHC 3.000410.H42					x		1
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà đất Mã số TTHC 3.000291.H42					x		1
3	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000325.H42					x		1
XII	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)							
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ Mã số 2.000765		x					1

XIII	Lĩnh vực Tin học - Thống kê (01 TTHC)							
1	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách Mã số 2.002206.000.00.00					x		1
XIV	Lĩnh vực Đất đai (01 TTHC)							
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Mã số 1.012994					x		1
TỔNG CỘNG								